

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH HÀ
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 14-9-2017

V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly
hôn giữa chị N và anh T

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH HÀ, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hoài Thanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Thắm

2. Bà Nguyễn Thị Hằng

- Thư ký phiên toà: Bà Hoàng Thị Thủy - Thư ký Toà án nhân dân huyện Thanh Hà.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Hà tham gia phiên toà: Bà Phạm Thị Duyên - Kiểm sát viên.

Ngày 14-9-2017 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thanh Hà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 131/2017/TLST-HNGĐ ngày 22-6-2017 về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 18-8-2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Hà Thị N, sinh năm 1981.

Hộ khẩu thường trú và trú tại: xóm 7, xã A, huyện K, tỉnh Thái Bình. (Có mặt)

2. Bị đơn: Anh Bùi Minh T, sinh năm 1975.

Hộ khẩu thường trú và trú tại: xóm 3, xã H, huyện T, tỉnh Hải Dương. (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 20-6-2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn Hà Thị N trình bày:

- Về hôn nhân: Chị kết hôn với anh Bùi Minh T đăng ký kết hôn vào ngày 20-9-2004 trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn tại

UBND xã A, huyện K, tỉnh Thái Bình, giấy chứng nhận kết hôn số 19. Sau ngày cưới, vợ chồng sống hạnh phúc được 4 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính cách vợ chồng không hợp nhau, anh T còn mải chơi, không chịu khó lao động. Chị đã góp ý nhưng anh T không thay đổi. Chị bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở từ năm 2008, vợ chồng ly thân từ đó đến nay, không quan tâm đến nhau. Đến nay, chị xác định vợ chồng không còn tình cảm, không có cuộc sống chung nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh T.

- Về con chung: Vợ chồng chị có một con chung là Bùi Minh P, sinh ngày 27-6-2005, hiện đang ở với anh T. Chị đồng ý để anh T nuôi con, chị đóng góp tiền nuôi con là 400.000đ/tháng.

- Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai và trong quá trình xét xử, bị đơn Bùi Minh T trình bày:

- Về hôn nhân: Thống nhất với ý kiến của nguyên đơn về điều kiện, hoàn cảnh kết hôn, việc đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống, vợ chồng không có mâu thuẫn. Khoảng năm 2008, chị N xin phép anh về thăm bố mẹ đẻ ở Thái Bình, anh đồng ý. Một thời gian sau, anh nghe tin chị N làm thủ tục đi nước ngoài nên anh sang gặp chị N. Chị N nói là đã làm thủ tục xong, để chị N đi gửi tiền về nên anh chấp nhận cho chị N đi. Khi từ Đài Loan về khoảng tháng 4 năm 2017, chị N ở luôn nhà bố mẹ đẻ mà không về nhà anh. Nay anh xác định vợ chồng không còn tình cảm, anh đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Vợ chồng anh có con chung như chị N trình bày. Anh xin nuôi con chung, yêu cầu chị N đóng góp tiền nuôi con là 1.500.000đ/tháng.

- Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kết quả xác minh tại Ủy ban nhân dân xã H, đại diện địa phương cung cấp: Quá trình vợ chồng anh T và chị N chung sống có mâu thuẫn, đánh cãi nhau. Vợ chồng chỉ chung sống vài năm, sau đó chị N đi đâu thì địa phương không biết.

Tại phiên toà:

Chị N và anh T thuận tình ly hôn, thống nhất giao con chung cho anh T nuôi dưỡng; về tài sản chung, nợ chung: đã thỏa thuận xong nên không yêu cầu giải quyết. Anh T yêu cầu chị N đóng góp tiền nuôi con là 1.000.000đ/tháng, chị N đồng ý mức đóng góp nuôi con theo quy định pháp luật.

Đại diện VKSND huyện Thanh Hà tham gia phiên toà phát biểu ý kiến: việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán,

Hội đồng xét xử từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án đều được đảm bảo. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật.

Đại diện VKSND huyện Thanh Hà phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Áp dụng các điều 55, 81, 82, 83, 110, 116 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 357 Bộ luật dân sự; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị N và anh T. Về nuôi con chung: Giao con chung Bùi Minh P, sinh ngày 27-6-2005 cho anh Bùi Minh T trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Hà Thị N đóng góp nuôi con với anh T số tiền theo quy định pháp luật kể từ tháng 9 năm 2017 đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Chị N có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Về tài sản chung, nợ chung: Chị N và anh T đã thỏa thuận xong nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về án phí: Chị N chịu 150.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn và 300.000đ án phí tiền đóng góp nuôi con nhưng được đối trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hôn nhân: Chị N và anh T kết hôn năm 2004 có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện K, tỉnh Thái Bình trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn nên là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, vợ chồng anh chị đã phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng trong cách sống, kinh tế khó khăn. Vợ chồng ly thân từ năm 2008 đến nay, không quan tâm đến nhau, không còn tình cảm vợ chồng. Chị N xin ly hôn, anh T đồng ý. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa hai anh chị đã mâu thuẫn trầm trọng, không có cuộc sống chung, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ theo quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình, công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị N và anh T.

[2] Về con chung: Vợ chồng có một con chung là cháu Bùi Minh P, sinh ngày 27-6-2005. Hiện nay, cháu P đang ở với anh T. Chị N và anh T đều thống nhất giao con chung cho anh T nuôi dưỡng, phù hợp với nguyện vọng của cháu P xin ở với bố nên Hội đồng xét xử chấp nhận giao cháu P cho anh T nuôi dưỡng. Anh T yêu cầu chị N đóng góp tiền nuôi con là 1.000.000đ/tháng, chị N chỉ đồng ý mức đóng góp theo quy định pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy: Theo quy định tại

khoản 1 Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình: “*Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con*”, do vậy chị N là người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Anh T trình bày anh là lao động tự do, anh xuất trình xác nhận của UBND xã H về mức thu nhập của anh khoảng 150.000đ đến 200.000đ/ngày. Chị N trình bày chị không có nhà đất mà sống chung với bố mẹ, chị làm nông nghiệp cấy 2 sào ruộng, thu nhập bình quân khoảng 300.000đ/tháng, không có nghề phụ khác, có xác nhận của trưởng thôn P và UBND xã A. Căn cứ theo hướng dẫn tại mục 2 Phần III Công văn số 24/1999/KHXX ngày 17-3-1999 của Tòa án nhân dân tối cao thì mức đóng nuôi con tối thiểu không dưới 1/2 mức lương tối thiểu do Nhà nước quy định tại thời điểm xét xử sơ thẩm đối với một người con. Mức lương cơ bản hiện nay là 1.300.000đ/tháng nên mức cấp dưỡng nuôi con tối thiểu là 650.000đ/tháng. Anh T kê khai mức chi phí cho cháu P trong một tháng gồm tiền ăn, tiền học, sinh hoạt...khoảng hơn hai triệu đồng, đây là những nhu cầu thiết yếu của cháu. Căn cứ vào thu nhập của anh T, thu nhập và khả năng thực tế của chị N, nhu cầu thiết yếu của cháu P, Hội đồng xét xử quyết định mức cấp dưỡng nuôi con là 650.000đ/tháng là phù hợp.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị N và anh T xác định đã thỏa thuận xong, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Chị N tự nguyện chịu án phí sơ thẩm ly hôn và phải chịu án phí tiền đóng góp nuôi con theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Luật phí và lệ phí năm 2015, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các điều 55, 81, 82, 83, 110, 116 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 357 Bộ luật dân sự; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Hà Thị N và anh Bùi Minh T.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung Bùi Minh P, sinh ngày 27-6-2005 cho anh Bùi Minh T trực tiếp nuôi dưỡng.

Chị Hà Thị N đóng góp nuôi con với anh T số tiền là 650.000đ/tháng kể từ tháng 9 năm 2017 đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi).

Kể từ ngày người được thi hành có đơn yêu cầu thi hành án, người phải thi hành không thi hành khoản tiền trên thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm thi hành được xác định theo khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự.

Chị N có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị N và anh T đã thỏa thuận xong nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Hà Thị N chịu 150.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn và 300.000đ án phí tiền đóng góp nuôi con nhưng được đối trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà chị đã nộp theo biên lai thu số AB/2014/0000903 ngày 22-6-2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương. Chị N còn phải nộp 150.000đ án phí.

Nguyên đơn, bị đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Thanh Hà;
- Chi cục THADS huyện Thanh Hà;
- UBND xã A;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Thị Hoài Thanh